

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 164/2019/HNGĐ-ST.

Ngày: 21 - 11 - 2019.

Về việc tranh chấp ly hôn, con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Đông.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Lâm.

2. Ông Nguyễn Tiến Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

- Đại diện Viện Kiểm sát Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 21 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 546/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2019 về việc “Tranh chấp ly hôn và con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 175/2019/QĐXX-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 146/2019/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hứa Thị Xuân Th - Sinh năm 1976 - (có mặt).

Địa chỉ: 44 NVC, phường TL, thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Ông Lê Quang L - sinh năm 1970 - (vắng mặt).

Địa chỉ: 44 NVC, phường TL, thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Hứa Thị Xuân Th trình bày có nội dung như sau:

Tôi và ông Lê Quang L đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân phường HC, quận H, thành phố Đà Nẵng ngày 19/5/1997. Quá trình chung sống ban đầu thì gia đình chúng tôi sống hạnh phúc, đầm ấm nhưng từ năm 2015 đến nay ông L ngoại tình, sau đó về bạo hành gia vợ và các con về thể xác và tinh thần. Làm cho tôi và các con bất an về tinh thần và không thể tiếp tục chung sống được nữa. Sau nhiều lần góp ý để

ông L sửa chữa nhưng ông L không có gì thay đổi nên chúng tôi không thể tiếp tục sống với nhau được nữa. Nay nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi xin được ly hôn với ông Lê Quang L.

- Về con chung: Chúng tôi có hai con chung là cháu Lê Thị Xuân Q - sinh năm 1997, cháu Q đã trưởng thành nên việc cháu sống cùng ai là do cháu quyết định và cháu Lê Quang Đ - sinh ngày 30/4/2002. Tôi có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Lê Quang Đ cho đến khi cháu trưởng thành.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chúng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Đối với bị đơn ông Lê Quang L trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần theo quy định của pháp luật nhưng ông Lê Quang L vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn - bà Hứa Thị Xuân Th đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn ly hôn, tuyên xử bà được ly hôn với ông L, Về con chung: bà Th có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Lê Quang Đ và nguyện vọng của cháu Lê Quang Đ cũng mong muốn được sống cùng với mẹ, không yêu cầu ông Lê Quang L cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn - bà Hứa Thị Xuân Th có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn ông Lê Quang L, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn và con chung” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về trình tự, thủ tục tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã triệu tập và niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần theo quy định của pháp luật nhưng ông Lê Quang L vẫn vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa hôm nay, ông Lê Quang L vắng mặt không có lý do lần thứ hai nên Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tiến hành xét xử vắng mặt ông Lê Quang L là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

Xét về quan hệ hôn nhân: Bà Hứa Thị Xuân Th và ông Lê Quang L đi đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường HC, quận H, thành phố Đà Nẵng vào ngày 19/5/1997, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống, do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau nên bà Hứa Thị Xuân Th và ông Lê

Quang L thường xảy ra mâu thuẫn. Nay bà Hứa Thị Xuân Th có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Lê Quang L.

Kết quả xác minh tại địa phương cho biết: Về quan hệ hôn nhân thì bà Hứa Thị Xuân Th và ông Lê Quang L là vợ chồng, sống tại địa chỉ 44 NVC, phường TL, thành phố BMT. Thời gian chung sống với nhau bà Hứa Thị Xuân Th và ông Lê Quang L thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cãi vã xô xát với nhau, ông L có lần dùng dao dọa chém, đuổi đánh bà Th. Quan điểm của địa phương là tình cảm vợ chồng giữa bà Hứa Thị Xuân Th và ông Lê Quang L không còn nữa thì đề nghị Tòa án giải quyết cho bà Th và ông L ly hôn, tránh để xảy ra mất trật tự, trị an tại địa phương.

Xét thấy mâu thuẫn giữa bà Hứa Thị Xuân Th và ông Lê Quang L đã trầm trọng mà không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Hứa Thị Xuân Th là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Bà Hứa Thị Xuân Th và ông Lê Quang L có hai con chung là cháu Lê Thị Xuân Q - sinh năm 1997, và cháu Lê Quang Đ - sinh ngày 30/4/2002. Hội đồng xét xử xét thấy cháu Lê Thị Xuân Q - sinh năm 1997 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết. Đối với cháu Lê Quang Đ chưa đủ 18 tuổi nên Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Lê Quang Đ cho mẹ là bà Hứa Thị Xuân Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Hứa Thị Xuân Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Hứa Thị Xuân Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: Bà Hứa Thị Xuân Th phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về yêu cầu xin ly hôn của bà Hứa Thị Xuân Th đối với ông Lê Quang L.

Bà Hứa Thị Xuân Th được ly hôn với ông Lê Quang L.

- Về con chung: Giao Lê Quang Đ - sinh ngày 30/4/2002 cho bà Hứa Thị Xuân Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Ông Lê Quang L có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Hứa Thị Xuân Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Hứa Thị Xuân Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Hứa Thị Xuân Th phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà Hứa Thị Xuân Th theo biên lai thu số AA/2019/0001955 ngày 10 tháng 7 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp. Buôn Ma Thuột;
- Các đương sự;
- UBND phường HC, quận H, tp. Đà Nẵng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Đông

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

